TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 24 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác định cha cho con

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên họp: Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác định cha cho con" theo Quyết định mở phiên họp số 02/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Bùi Thị H, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: tổ F, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên họp;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1968; nơi đăng ký thường trú: tổ H, khu phố N, huyện L, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện tại: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Đinh Công K, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện tại: tổ F, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên họp.

2. Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ trụ sở tại: khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường C (theo Quyết định uỷ quyền số 56/QĐ-UBND ngày 18/5/2024), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án chị Bùi Thị H trình bày cụ thể như sau: chị và anh Đinh Công K thực tế là vợ chồng, trước đây anh Đinh Công K và Nguyễn Văn R có quan hệ quen biết với nhau, năm 1995 anh R đã nộp hồ sơ xin làm việc tại Công ty T2 (nay là Công ty cổ phần T2), khi công ty gọi đi làm thì anh R không muốn đi làm ở đó, do không có việc làm nên anh K

đã mượn tên của anh Nguyễn Văn R để vào làm tại Công ty T2, anh K đã tự lấy luôn các thông tin tên tuổi, ngày tháng năm sinh quê quán của anh R để đi làm chứng minh nhân dân, hộ khẩu. Năm 2006, chị H quen biết và tìm hiểu anh K nhưng vì anh K đi làm và các giấy tờ đều mang tên anh R nên chị cũng không biết việc anh K lại mượn tên của anh R, chị và anh K tiến tới việc xây dựng gia đình, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả anh K cũng lấy tên là Nguyễn Văn R nên tại giấy chứng nhận kết hôn đã ghi họ tên người chồng là Nguyễn Văn R, sinh ngày 10/11/1968 và họ và tên người vợ là Bùi Thị H, sinh ngày 09/01/1981. Sau khi kết hôn, chị và anh K chung sống với nhau tại phường C, thành phố C. Chị hoàn toàn không biết việc anh K lấy thông tin của anh R để đi đăng ký kết hôn với chị, nếu biết chị cũng không đồng ý việc mượn tên của người khác để đi đăng ký kết hôn.

Từ đầu năm 2023 anh K đi làm căn cước công dân theo yêu cầu của nhà nước thì không làm được, khi đó chị mới phát hiện anh K đã sử dụng toàn bộ thông tin tên tuổi của anh R đăng ký kết hôn với chị như trong Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 1 ngày 08/5/2006 đăng ký tại UBND phường C, thành phố C là không đúng quy định của pháp luật vì thực tế anh R không kết hôn và không chung sống với chị, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị, anh K cũng như các con chung. Bản thân anh R trước đó cũng đã đăng ký kết hôn với người khác, việc mượn tên của anh R đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến quyền và lợi ích hợp của gia đình anh R. Do vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn R và chị theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do UBND phường C, thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đăng ký vào ngày 08/5/2006.

Về con chung: chị và anh Đinh Công K chung sống với nhau và có 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017. Do đăng ký khai sinh phải căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn nên cháu T và cháu T1 khi đi đăng ký khai sinh thì họ tên người cha lại mang tên anh Nguyễn Văn R. Đến nay chị và anh K cũng đã làm giám định ADN xác định anh K là cha đẻ của các cháu Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1, do vậy chị cũng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xác định anh Nguyễn Văn R không phải là cha đẻ của hai cháu Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1; xác định anh Đinh Công K là cha đẻ của hai cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh R không chung sống với nhau nên không có tài sản chung, vay nợ chung.

* Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên họp anh Đinh Công K có quan điểm: trước đây anh và anh Nguyễn Văn R không quen biết nhau, thông qua một người bạn anh được biết anh R nộp đơn xin vào làm tại Công ty T2 nhưng sau đó anh R không muốn đi làm nên anh đã mượn tên anh R để được vào làm tại Công ty T2, sau khi đi làm anh còn lấy các thông tin cá nhân của anh R để đi làm

chứng minh thư nhân dân, đăng ký hộ khẩu và làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị H tại UBND phường C, thành phố C đúng như chị H đã trình bày ở trên. Công ty T2 có giấy giới thiệu cho anh đi đăng ký kết hôn, UBND phường C không biết việc anh mượn tên của người khác nên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh và chị H theo đúng quy định, do vậy trong giấy chứng nhận kết hôn cũng ghi họ tên người chồng là Nguyễn Văn R và người vợ là Bùi Thị H. Anh không nói cho chị H biết việc mượn tên của anh R, đến năm 2023, để làm hồ sơ định danh cá nhân, căn cước công dân thì không làm được, khi đó chị H cũng mới biết việc anh mượn thông tin của anh R. Ngày 24/4/2023 anh cũng đã bị Công an huyện V xử phạt hành chính về việc cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu sai sự thật về cư trú để được đăng ký thường trú. Đến nay, anh nhận thấy việc đăng ký kết hôn mang tên anh Nguyễn Văn R với chị Bùi Thị H là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh R, chị H và các con của anh chị. Thực tế anh R không kết hôn với chị H, do vậy chị H yêu cầu Toà án tuyên huỷ giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 08/5/2006 đăng ký tại UBND phường C, thành phố C anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung đúng như chị H đã trình bày ở trên, tuy nhiên vì đăng ký kết hôn mang tên của anh Nguyễn Văn R nên khi đăng ký khai sinh cho cả hai con của anh chị, UBND phường C, thành phố C cũng căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn, đều lấy họ tên người cha là Nguyễn Văn R và họ tên người mẹ là Bùi Thị H. Anh cũng đã đưa các con đi giám định ADN, kết quả giám định đã xác định anh là cha đẻ của hai con Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Thành T. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên anh hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án xác định: anh Nguyễn Văn R không phải là cha đẻ của Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Thành T; xác định anh là cha đẻ của hai con Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Thành T.

* Do anh Nguyễn Văn R không đến Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia giải quyết việc dân sự, Tòa án đã ra Quyết định ủy thác việc thu thập tài liệu chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, kết quả thu thập được thể hiện: Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn R và đơn xin vắng mặt tại phiên họp, anh R trình bày: anh và anh Đinh Công K không có mối quan hệ quen biết nhau, anh cũng không biết chị Bùi Thị H. Vào khoảng năm 1994, 1995 anh có nộp hồ sơ xin việc tại Công ty T2 (nay là Công ty cổ phần T2) nhưng sau đó anh không muốn đi làm tại đây. Việc anh K tự ý lấy tên của anh để vào làm việc Công ty cổ phần T2 anh không nắm được. Đến năm 2021 anh đến Công an huyện L, tỉnh Bình Phước để làm căn cước công dân thì mới biết việc anh K sử dụng tên của anh để đi thực hiện các thủ tục hành chính. Vào năm 2006 anh K sử dụng tên Nguyễn Văn R để đi đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị H tại UBND phường C, thị xã (nay là thành phố) C, tỉnh Quảng Ninh nên trong Giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường C, thành phố C đã ghi họ tên người chồng là Nguyễn Văn R, sinh ngày 10/11/1968

và Bùi Thị H, sinh ngày 09/11/1981 là vợ, anh cũng không biết sự việc này, anh không cho anh K mượn họ, tên của anh để đi đăng ký kết hôn với chị H. Thực tế là năm 1990 anh có đăng ký kết hôn với chị Lương Thị Đ tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nay chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả hủy kết hôn trái pháp luật giữa Nguyễn Văn R và Bùi Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 08/5/2006 do UBND phường C, thành phố C anh hoàn toàn nhất trí.

Đối với 02 con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017, khi đi đăng ký khai sinh lấy họ tên của anh để đăng ký theo họ tên cha, anh khẳng định hai cháu không phải là con đẻ của anh, việc chị H đề nghị Tòa án xác định là con của anh K và chị H, anh cũng đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả giám định ADN và quy định của pháp luật để giải quyết; anh và chị H không có tài sản và công nợ chung. Anh R đề nghị vắng mặt tại phiên họp và cung cấp cho Tòa án căn cước công dân.

Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ còn có biên bản xác minh thể hiện nội dung: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn năm 1991 còn lưu trữ tại UBND xã Q, huyện Q thể hiện ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1968 và bà Lương Thị Đ, sinh năm 1969 có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/1991, số 28.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường C, có quan điểm thể hiện trong hồ sơ đối với việc giải quyết việc dân sự "*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác định cha cho con*" theo đơn yêu cầu của chị Bùi Thị H như sau: đối chiếu các quy định đăng ký kết hôn tại thời điểm năm 2006, việc UBND phường C đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị H là đúng quy định và đầy đủ hồ sơ: có giấy giới thiệu của UBND xã T về việc giới thiệu chị Bùi Thị H – công dân xã T đến UBND phường C xin liên hệ đăng ký kết hôn; giấy giới thiệu đăng ký kết hôn của Công ty T2 về việc giới thiệu anh Nguyễn Văn R là công nhân Công ty đến UBND phường C đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị H; tờ khai đăng ký kết hôn của chị H và anh R. Tại thời điểm thực hiện việc đăng ký kết hôn do anh K không thành thật khai báo nên UBND phường C không biết sự việc anh K mượn tên cũng như thông tin cá nhân của anh R để đăng ký kết hôn với chị H nên đã tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn cho 2 người, ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 1: tên người chồng là Nguyễn Văn R, tên người vợ là Bùi Thị H.

Về việc đăng ký khai sinh cho hai cháu Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1 (là con chung của anh R và chị H): đối chiếu quy định đăng ký khai sinh tại thời điểm năm 2006 và 2017 việc UBND phường C đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1 là đúng quy định và đầy đủ hồ sơ nên đã làm thủ tục đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1 với họ tên người cha là Nguyễn Văn R và họ tên người mẹ là Bùi Thị H. Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hộ tịch, Ủy ban nhân dân phường C đồng ý với yêu cầu của chị Bùi Thị H, hủy việc kết hôn trái pháp luật do có hành vi lừa dối, sử dụng thông

tin giả mạo để thực hiện đăng ký hộ tịch; đồng thời xác định lại đúng người cha theo yêu cầu của công dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên họp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ việc đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án, căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn R; chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con: xác định anh Nguyễn Văn R không phải là cha đẻ của các cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017; anh Đinh Công K là cha đẻ của các cháu Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1; về tài sản, công nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác định cha cho con, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường C có địa chỉ trụ sở tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ quy định tại Điều 29, khoản 2 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Về việc vắng mặt của đương sự: tại phiên họp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện của UBND phường C, thành phố C và anh Nguyễn Văn R vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh Nguyễn Văn R và UBND phường C, thành phố C.

[2] Về nội dung yêu cầu:

2.1. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 1 ngày 08/5/2006 do đương sự cung cấp, tài liệu liên quan lưu trữ tại UBND phường C, thành phố C và lời khai của các đương sự đều xác nhận: năm 1995 anh Đinh Công K đã mượn hồ sơ xin việc, giấy tờ và thông tin cá nhân của anh R để vào làm công nhân tại Công ty T2 (nay là Công ty cổ phần T2). Năm 2006 do quen biết, tìm hiểu với chị H, anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND phường C, anh K tiếp tục lấy thông tin của anh Nguyễn Văn R, sinh ngày 10/11/1968 để kết hôn với chị Bùi Thị H; chị H và anh R cũng không biết việc anh K mượn tên của anh R để kết hôn với chị H, trước đó từ năm 1991 anh R đã đăng ký kết hôn với chị Lương Thị Đ tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Thời điểm đăng ký kết hôn tại UBND phường C, anh K đã cung cấp đầy đủ các thông tin của anh R như tờ khai đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị H, có đầy đủ chữ ký của hai bên, có giấy giới thiệu việc đăng ký kết hôn nơi cư trú của chị H và nơi công tác của anh R, do vậy UBND phường C, thành phố C không phát hiện ra việc giả tạo của anh K khi đi đăng ký kết hôn nên đã tiến hành đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 1, ngày 08/5/2006 cho anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị H theo đúng quy định. Trong việc đăng ký kết hôn này có một phần sơ suất thuộc về Công ty T2 tại thời điểm năm 1995 khi tuyển dụng công nhân và năm 2006 khi cấp giấy giới thiệu đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn R, trong khi thực tế anh R đã kết hôn với chị Lương Thị Đ tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình từ năm 1991 (có biên bản xác minh của TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện nội dung này).

Quá trình thụ lý giải quyết việc dân sự, chị H, anh K, anh R đều thừa nhận thông tin đi đăng ký kết hôn là không đúng sự thật, chị H cũng thừa nhận anh Đinh Công K mới là người chung sống với chị từ sau khi kết hôn (năm 2006) cho đến nay, đây thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ sự phân tích như đã nêu trên, đến nay Tòa án có căn cứ xác định giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 01 của UBND phường C, thành phố C cấp ngày 08/5/2006 cho người mang tên Nguyễn Văn R và Bùi Thị H là chưa đúng đối tượng, có sự giả tạo, vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H, tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị H.

2.2. Xét yêu cầu của chị Bùi Thị H đề nghị Tòa án xác định cha cho con đối với các cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017. Tòa án thấy rằng, trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự là chị Bùi Thị H và các anh Đinh Công K, Nguyễn Văn R đều khẳng định: anh K chung sống với chị Bùi Thị H và có 02 con chung như đã trình bày ở trên, khi đăng ký khai sinh cho các con cũng phải căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn nên trong giấy khai sinh phải khai họ tên cha là Nguyễn Văn R để đăng ký khai sinh cho các con chung. UBND phường C, thành phố C cũng đã thực hiện việc đăng ký khai sinh đúng quy định, không biết việc anh K mượn các thông tin của anh R. Anh K cũng đã đi giám định ADN để xác định anh K chính là cha đẻ của các con chung Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1, tại kết quả xét nghiệm ADN của Công ty cổ phần D đều kết luận: người có mẫu ghi tên Đinh Công K có quan hệ huyết thống cha – con với người có mẫu ghi tên Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1. Do vậy yêu cầu của chị Bùi Thị H về việc xác định cha cho con là có căn cứ chấp nhận.

2.3. Anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị H thực tế không chung sống với nhau nên không có tài sản và công nợ chung.

[3] Về lệ phí: Căn cứ các Điều 36, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người yêu cầu phải nộp tiền lệ phí yêu cầu, trong yêu cầu xác định cha cho con, do chị H và anh K có 02 con chung: một con chung đã thành niên và một con chung chưa thành niên nên chị H vẫn phải chịu lệ phí việc xác định cha cho con đối với con đã thành niên.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 10 Điều 29, khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 15, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch;

Căn cứ vào các Điều 36, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn R và chị Bùi Thị H; hủy giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 1, đăng ký ngày 08/5/2006 của UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H:

- Xác định anh Nguyễn Văn R không phải cha đẻ của các cháu Nguyễn Thành T và Nguyễn Trung T1.

- Xác định anh Đinh Công K là cha đẻ của các cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 và Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017.

Chị Bùi Thị H và anh Đinh Công K có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho: cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/4/2006 (theo giấy khai sinh số 310, quyển số 01/2006 đăng ký ngày 30/12/2011); cháu Nguyễn Trung T1, sinh ngày 27/02/2017 (theo giấy khai sinh số 71 đăng ký ngày 15/3/2017); đều đăng ký tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và 300.000 đồng lệ phí yêu cầu xác định cha cho con, chị H đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai thu tiền số 0002280 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

4. Về quyền kháng cáo: chị Bùi Thị H, anh Đinh Công K có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định; anh Nguyễn Văn R, UBND phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Người có QL, NVLQ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh